

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2022/DS-PT

Ngày: 14 - 11 - 2022

V/v “*Tranh chấp quyền  
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bình Đảo.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Như Tám.

Ông Võ Văn Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:** Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** 1. Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1968; Vắng mặt.

2. Bà Sơn Ngọc Đ, sinh năm 1976; Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông V: Bà Sơn Ngọc Đ, sinh năm 1976 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 16/9/2020); Có mặt.

Cùng địa chỉ: đường Đ, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông V và bà Đ: Luật sư Mai Hồng H – Văn phòng Luật sư Mai Hồng H, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

**2. Bị đơn:** 1. Bà Trương Thị D, sinh năm 1942; Có mặt.

2. Ông Phan Châu L1, sinh năm 1938 (Chết ngày 09/6/2022);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Phan Châu L1: Bà Trương Thị D, sinh năm 1942; Có mặt.

Cùng địa chỉ: đường Đ, tổ 14, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Nguyễn Thanh L2 (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2019 và 20/8/2020); Có mặt.

Địa chỉ: đường M, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D: Ông Nguyễn Trường T – Luật sư trợ giúp pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử. Có mặt.

**3. Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V, bà Sơn Ngọc Đ trình bày:**

Vào năm 2001 bà Đ và ông V có sang nhượng phần đất của ông Phan Châu L1, đến ngày 20/9/2001 Công ty Xi măng Hà Tiên II quyết định cấp giấy cho ông Nguyễn Xuân V. Cùng năm 2001, ông L1 sang nhượng lại thêm phần đất trồng cây lâu năm cho vợ chồng bà Đ sau đó ông L1 có hỏi mượn bà Đ phần đất trồng cây lâu năm để vun đắp cất căn nhà ở tạm, khoảng hơn 03 năm sau căn nhà tạm dột nát, ông L1 tiếp tục xin sửa lại nhà và ông L1 hứa sau này vợ chồng bà Đ, ông V có cần thì ông L1 trả lại. (Tại BL số 74 bà Đ trình bày khi nhận chuyển nhượng là chuyển nhượng toàn bộ diện tích) Khi vợ chồng bà Đ nhận chuyển nhượng của ông L1 thì có làm giấy tay, nội dung trong giấy tay không ghi diện tích, giấy tay do ông L1 viết.

Nay bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V yêu cầu ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D phải tháo dỡ căn nhà để trả lại cho vợ chồng bà D tích ngang 4,8m dài 20m, đất tọa lạc tại khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ trình bày:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D tháo dỡ nhà trả lại diện tích đất ngang 4,8m dài 20m cho ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ. Vì diện tích đất của bà Đ được cấp không thể hiện giáp đất của ông Phan Châu L1 mà là giáp đất do nhà nước quản lý, vì vậy không có cơ sở nào thể hiện đất này của ông Phan Châu L1, Nhà

nước hóa giá cho công nhân nhà máy thường hóa giá hết toàn bộ diện tích đất và các công trình phụ, không có việc hóa giá một phần nhà và đất, còn lại phần đất.

**\* Bị đơn ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thanh L2 trình bày:**

Trước đây ông Phan Châu L1 được Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 cấp một căn nhà số 405 và phần đất trồng cây lâu năm, sau năm 1985 vợ chồng ông L1 lấy phần đất trồng cây lâu năm để cất nhà ở. Đến năm 2001 ông L1 có sang nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ căn nhà đường N, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Phần đất mà ông L1 không chuyển nhượng là 96m<sup>2</sup> (Ngang 4,8m dài 20m) để ở và sử dụng cho đến nay (có xây tường bao làm ranh giới). Đến năm 2017 vợ chồng ông L1 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Sơn Ngọc Đ tranh chấp và làm đơn khiếu nại ngăn chặn việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

Vợ chồng ông L1 có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ chấm dứt hành vi ngăn cản vợ chồng ông sử dụng đất và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96m<sup>2</sup> (ngang 4,8m dài 20m) đất tọa lạc tại Khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 26/10/2020 vợ chồng ông L1 xin rút lại đơn khởi kiện.

Ông L1 và bà D không đồng ý di dời nhà và không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông V và bà Đ vì đất này là của ông L1, bà D.

**\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang quyết định:**

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V về việc yêu cầu ông L1, bà D trả lại diện tích đất 87,9m<sup>2</sup> (Có tứ cận theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2019: Điểm 1-2 = 4,8m cách tim đường 7,75m; Điểm 2-5 = 18,5m giáp đất ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ; Điểm 5-6 = 4,7m giáp cống thoát nước; Điểm 6-1 = 18,5m giáp đất Huỳnh Lê Đồng) và tháo dỡ nhà, căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tại Tổ 14, Khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

**\* Ngày 27/6/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ cũng như nguyên đơn bà Sơn Ngọc Đ thống nhất yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trương Thị D cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị D thống nhất yêu cầu không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận của Luật sư, đương sự, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nội dung vụ án: Phần đất tranh chấp diện tích 87,9m<sup>2</sup>, gắn liền với căn nhà cấp 4 tại Khu phố C, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang hiện do bị đơn ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D đang sử dụng, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ cho rằng, năm 2001 ông L1 có chuyển nhượng nhà và đất số 405 và phần đất đang

tranh chấp cho ông V, bà Đ; sau đó ông L1, bà D không có chỗ ở nên nguyên đơn cho bị đơn mượn cất nhà ở cho đến nay, nên yêu cầu ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D phải tháo dỡ căn nhà để trả lại cho vợ chồng bà Đ và ông V diện tích đất ngang 4,8m dài 20m, đất tọa lạc tại khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn bà Trương Thị D, cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 cho rằng, ông bà chỉ chuyển nhượng căn nhà số 405 gắn liền với đất giá 12.000.000 đồng vào năm 2001, còn phần đất hiện đang tranh chấp thì ông bà không chuyển nhượng mà để lại ở, năm 1985 ông bà đã cất nhà trên phần đất đang tranh chấp và sau đó nhiều lần sửa chữa lại căn nhà cũng không ai ngăn cản hoặc tranh chấp, nên không đồng ý di dời nhà và không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông V, bà Đ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V yêu cầu ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D phải tháo dỡ căn nhà để trả lại cho vợ chồng bà Đ và ông V diện tích ngang 4,8 mét dài 20 mét, đất tọa lạc tại khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Xét thấy, về nguồn gốc đất khu đất của nguyên đơn và bị đơn đang sử dụng trước đây là thuộc quyền quản lý của công ty Xi măng Hà Tiên II ( nay là Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên I – Nhà máy xi măng Kiên Lương), các đương sự đều là công nhân, trong đó ông Phan Châu L1 được Công ty giao nhà và đất tại số 405 (nay là số 18 – đường Đ) và mảnh đất trống ông L1, bà D sinh sống hiện đang tranh chấp. Nhà máy chỉ giao cho công nhân ở và đi làm tại Nhà máy, chưa giao quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Các bên đương sự đều cho rằng, việc chuyển nhượng có làm giấy tay và có ghi rõ phần chuyển nhượng, nhưng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ về việc chuyển nhượng. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, Công Ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 – Nhà máy xi măng Kiên Lương và Công Ty Cổ phần phát triển Nhà Kiên Giang xác định không có lưu trữ giấy tay chuyển nhượng nhà và đất như các đương sự trình bày và chỉ cung cấp cho Tòa án hợp đồng mua bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước số 586/HĐMB ngày 21/12/2006 (BL số 144); biên bản thanh lý hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà Nước; giấy báo nộp tiền. Văn phòng đăng ký đất đai huyện K cung cấp cho Tòa án các văn bản bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V xin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thể hiện diện tích kê khai 166,5m<sup>2</sup> (BL 92,93,94) phù hợp với biên bản thanh lý nhà và hợp đồng 586/HĐMB về mua bán nhà, trong hợp đồng thể hiện tổng diện tích khuôn viên 176,85m<sup>2</sup> căn nhà số 405 Nguyễn Trung Trực, thị trấn K mà hiện nay các nguyên đơn đang sở hữu, không có diện tích đất 87,9m<sup>2</sup> đất tranh chấp như nguyên đơn khởi kiện. Nguyên đơn bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V khởi kiện nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V về việc yêu

cầu ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D di dời nhà trả lại diện tích đất 96m<sup>2</sup> là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1.

Xét thấy, bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 rút lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn tự nguyện. Cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 và thay đổi tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn và xác định bị đơn bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 đang sử dụng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị đơn liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

### [3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 phải chịu số tiền chi phí bản vẽ là 1.644.999 đồng và phí chuyển tiền là 11.000 đồng. Ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D đã tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng tại Giấy nộp tiền ngày 09/10/2019. Tòa án nhân dân huyện K hoàn trả cho bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 số tiền 1.344.001 đồng.

[3.2] Về chi phí định giá tài sản: Buộc bà Sơn Ngọc Đ, ông Nguyễn Xuân V phải chịu số tiền định giá tài sản là 3.000.000 đồng và phí chuyển tiền là 11.000 đồng. Bà Sơn Ngọc Đ, ông Nguyễn Xuân V đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng tại Giấy nộp tiền ngày 29/6/2021. Tòa án nhân dân huyện K hoàn trả cho bà Sơn Ngọc Đ, ông Nguyễn Xuân V số tiền 989.000 đồng.

### [4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004346 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0009077 và số 0009074 cùng ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ các Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V về việc yêu cầu bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 tháo dỡ căn nhà cấp 4 gắn liền với đất và trả lại diện tích đất 87,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại Tổ 14, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2019 có số đo cụ thể:

Cạnh từ điểm 1 - 2 = 4,8m cách tim đường 7,75m; cạnh từ điểm 2 - 5 = 18,5m giáp đất ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ; cạnh từ điểm 5 - 6 = 4,7m giáp cống thoát nước; cạnh từ điểm 6 - 1 = 18,5m giáp đất Huỳnh Lê Đ1.

2. Xác định bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 được quyền tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất và thực hiện các quyền của người sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2019 có số đo cụ thể:

Cạnh từ điểm 1 - 2 = 4,8m cách tim đường 7,75m; cạnh từ điểm 2 - 5 = 18,5m giáp đất ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ; cạnh từ điểm 5 - 6 = 4,7m giáp cống thoát nước; cạnh từ điểm 6 - 1 = 18,5m giáp đất Huỳnh Lê Đ1.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1.

#### **4. Về chi phí tố tụng:**

4.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 phải chịu số tiền chi phí bản

về là 1.644.999 đồng và phí chuyển tiền là 11.000 đồng. Ông Phan Châu L1 và bà Trương Thị D đã tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng tại Giấy nộp tiền ngày 09/10/2019. Tòa án nhân dân huyện K hoàn trả cho bà Trương Thị D cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Châu L1 số tiền 1.344.001 đồng.

4.2. Về chi phí định giá tài sản: Buộc bà Sơn Ngọc Đ, ông Nguyễn Xuân V phải chịu số tiền định giá tài sản là 3.000.000 đồng và phí chuyển tiền là 11.000 đồng. Bà Sơn Ngọc Đ, ông Nguyễn Xuân V đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng tại Giấy nộp tiền ngày 29/6/2021. Tòa án nhân dân huyện K hoàn trả cho bà Sơn Ngọc Đ, ông Nguyễn Xuân V số tiền 989.000 đồng.

## 5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Sơn Ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân V đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004346 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

5.2 Án phí phúc thẩm: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Sơn Ngọc Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0009077 và số 0009074 cùng ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS h. Kiên Lương;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Bình Đảo**